



# NGHIÊN CỨU VỀ TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH BỆNH COVID-19 ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ BẤT BÌNH ĐẲNG Ở CÁC THÀNH PHỐ CHÂU Á

Nghiên Cứu Trường Hợp về Người Lao Động Di Cư Dân Tộc Thiểu Số ở Hà Nội, Việt Nam

THÁNG 3, 2022



The Asia Foundation



Australian Government  
Department of Foreign Affairs and Trade

**TÁC GIẢ:** Trần Chung Châu

**THỰC HIỆN BỞI:** Chương Trình Quản Trị Khu Vực của Quỹ Châu Á

Nghiên cứu này thuộc khuôn khổ dự án nghiên cứu về bất bình đẳng ở các thành phố Châu Á, thực hiện bởi Chương trình Quản trị khu vực của Quỹ Châu Á. Nghiên cứu viên ở mỗi quốc gia đã làm việc cùng các cố vấn để hoàn thành quá trình nghiên cứu. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự đóng góp của bà Rebecca Calder, bà Sally Neville từ tổ chức Kore Global và bà Mandakini D. Surie để hoàn thành dự án nghiên cứu này.

Tài trợ cho nghiên cứu này thuộc khuôn khổ hợp tác giữa Quỹ Châu Á và Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc (DFAT). Các quan điểm trình bày trong báo cáo là của tác giả, và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Quỹ Châu Á hay Chính phủ Úc.



Ấn phẩm này được cấp phép theo Giấy phép quốc tế về Các Sản Phẩm Sáng Tạo Chung - Phi Thương Mại 4.0.



456 California Street, 9th Floor  
San Francisco, CA U.S.A 94104  
[www.asiafoundation.org](http://www.asiafoundation.org)

**ẢNH BÌA:** Phụ nữ Việt Nam đang làm việc với máy khâu ở Hà Nội, Việt Nam, 2019 (Nguồn: Shutterstock)

# MỤC LỤC

<b>TÓM TẮT BÁO CÁO</b> .....	<b>2</b>
<b>GIỚI THIỆU</b> .....	<b>4</b>
<b>1. TỔNG QUAN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG DI CƯ DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM</b> .....	<b>6</b>
THOÁT KHỎI VÙNG NGHÈO ĐỂ TÌM KIẾM CƠ HỘI Ở VÙNG ĐÔ THỊ .....	6
ĐỊNH KIẾN VÀ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ CÙNG VỚI SỰ TỰ CO CỤM CẢN TRỞ SỰ HÒA NHẬP XÃ HỘI .....	7
ĐỊNH KIẾN GIỚI ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC TỚI NGƯỜI NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ KHI DI CƯ VÀ CẢ KHI TRỞ VỀ .....	8
HỆ THỐNG ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ HẠN CHẾ KHẢ NĂNG TIẾP CẬN DỊCH VỤ CÔNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DI CƯ .....	8
SỰ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ, MẠNG LƯỚI XÃ HỘI HẠN HẸP VÀ THIẾU THÔNG TIN VIỆC LÀM KHIẾN ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI DI CƯ DÂN TỘC THIỂU SỐ KHÔNG ĐẢM BẢO .....	9
<b>2. BỐI CẢNH: CÁC BIỆN PHÁP GIÃN CÁCH XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP</b> .....	<b>11</b>
<b>3. CÁC BIỆN PHÁP GIÃN CÁCH XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN CÁC NGUỒN VỐN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG</b> .....	<b>12</b>
ĐỘ BAO PHỦ CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỨU TRỢ KHÔNG ĐỒNG ĐỀU VÀ NGUỒN VỐN XÃ HỘI LÀ YẾU TỐ QUAN TRỌNG ĐỂ TIẾP CẬN CỨU TRỢ .....	12
SỰ TỬ TẾ, VAY MƯỢN QUY MÔ NHỎ VÀ MỠ GÓI ĐỂ VƯỢT QUA KHÓ KHĂN VÀ SỰ TUYỆT VỌNG .....	13
<b>4. NĂNG LỰC: MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG TƯƠNG LAI VÀ CÁC CƠ HỘI</b> .....	<b>14</b>
ĐỊNH KIẾN VÀ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ HẠN CHẾ ĐÓNG GÓP CỦA NGƯỜI DI CƯ NƠI THÀNH THỊ .....	14
PHỤ NỮ ĐỐI DIỆN VỚI CÁC THỰC HÀNH PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ .....	14
NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH ĐỐI VỚI NGƯỜI DI CƯ DÂN TỘC THIỂU SỐ CÓ THỂ TẠO THÊM THÁCH THỨC CHO SỰ PHỤC HỒI TRONG DÀI HẠN .....	15
NĂNG CAO KỸ NĂNG TAY NGHỀ VÀ LƯỢNG THÔNG TIN ĐẦY ĐỦ HƠN SẼ GIÚP CẢI THIỆN ĐIỀU KIỆN VÀ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DI CƯ DÂN TỘC THIỂU SỐ .....	15
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>16</b>
<b>PHỤ LỤC</b> .....	<b>17</b>
<b>PHỤ LỤC A: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU</b> .....	<b>17</b>
Nghiên cứu bàn .....	17
Phòng vấn bán cấu trúc .....	17
Đạo đức nghiên cứu .....	18
Giới hạn và sự thiên lệch của nghiên cứu .....	18
<b>PHỤ LỤC B: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN PHÒNG VẤN BÁN CẤU TRÚC</b> .....	<b>19</b>
<b>CHÚ THÍCH</b> .....	<b>20</b>

# TÓM TẮT BÁO CÁO

Việt Nam xác nhận ca nhiễm virus SAR-Covid-2 đầu tiên vào ngày 23 tháng 1 năm 2020, và kể từ thời điểm đó Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp để kiểm soát dịch bệnh. Tác động của dịch bệnh Covid-19 và thiệt hại kinh tế do dịch bệnh thể hiện rõ nét ở các khu vực đô thị lớn do mật độ dân số đông với nhiều nhóm dân cư dễ bị tổn thương và nhiều lao động làm việc trong khu vực phi chính thức. Nghiên cứu này tập trung vào tác động kinh tế của dịch bệnh đối với người lao động di cư dân tộc thiểu số ở Hà Nội. Đối tượng nghiên cứu thuộc nhóm những người bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh bởi họ vốn ở trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương với những trải nghiệm bất bình đẳng và hạn chế trong việc nhận các hỗ trợ trước khi dịch bệnh xảy ra.

Rất nhiều người ở độ tuổi lao động di cư từ các vùng quê nghèo khó đến các vùng đô thị, trong đó có Hà Nội, để tìm kiếm các cơ hội tốt hơn, ví dụ như theo học ở các trường đại học hoặc tìm kiếm công việc có thu nhập cao hơn để có thể chi trả cho cuộc sống cá nhân hoặc chu cấp cho gia đình. Một hiện tượng khá phổ biến là nhiều nhóm di cư nội địa duy trì việc sinh sống ở các thành phố lớn bởi công việc ở thành phố mang lại cho họ thu nhập tốt hơn. Tuy nhiên, những nhóm mới di cư đến thành phố thường chỉ tìm được những công việc ngắn hạn với mức lương thấp, không có hợp đồng lao động, hạn chế cơ hội thăng tiến trong công việc và gần như không có các phúc lợi xã hội khác đi kèm. Các nhóm lao động di cư chấp nhận thực tế như vậy bởi vì họ thiếu nguồn lực tài chính và thiếu những công việc có thu nhập tốt ở quê nhà.

Nhiều lao động di cư thuộc các nhóm dân tộc thiểu số thường gặp nhiều khó khăn hơn trong việc tìm các công việc trong khu vực chính thức hay có thu nhập cao bởi vì, so sánh với các nhóm dân tộc đa số, họ thiếu các nguồn lực xã hội cần thiết ví dụ như giáo dục, cơ hội đào tạo, kỹ năng, và các mối quan hệ xã hội để thay đổi hoàn cảnh. Bên cạnh đó, những lao động di cư dân tộc thiểu số là nữ thường đối mặt với sự phân biệt đối xử về giới tính và vì thế trải nghiệm của họ ở thành thị thường khó khăn hơn. Sự kỳ thị cùng với việc thiếu các nguồn thu nhập và xu hướng chỉ tập trung chia sẻ và trao đổi trong cùng một tộc người góp phần hạn chế sự hòa nhập của những nhóm lao động di cư dân tộc thiểu số với các cộng đồng và đời sống công ở đô thị. Sự co cụm tương đối của các nhóm di cư dân tộc thiểu số, dù là tự lựa chọn hay bị áp đặt từ bên ngoài hoặc là sự kết hợp của cả hai yếu tố, đã ảnh hưởng đến khả năng thích ứng với cuộc sống đô thị của họ, cũng như cản trở khả năng hình thành vốn xã hội và kỹ năng cá nhân cần thiết để có thể tìm việc làm tốt hơn hoặc tận dụng tối đa lợi ích của các dịch vụ công trong thành phố.

Giống như nhiều lao động khác, người lao động dân tộc thiểu số di cư ở Hà Nội đã trải qua những cú sốc tài chính đáng kể trong thời kỳ đầu của đại dịch Covid-19, phần lớn là bị ảnh hưởng bởi các biện pháp giãn cách xã hội dẫn đến mất thu nhập đột ngột và nghiêm trọng. Bên cạnh những tổn thất tài chính, dịch bệnh cũng ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần của người lao động. Chính phủ đã cố gắng giảm thiểu tác động kinh tế của đại dịch thông qua nhiều biện pháp hỗ trợ. Tuy nhiên, chỉ những lao động vốn thuộc các nhóm “nghèo” và “cận nghèo” trước khi dịch bệnh diễn ra mới dễ dàng tiếp cận các chương trình hỗ trợ vì họ đã được hệ thống bảo trợ xã hội của Việt Nam ghi nhận. Các hộ gia đình không thuộc các nhóm nghèo hay cận nghèo, và đột nhiên mất toàn bộ thu nhập, có xu hướng bị loại trừ khỏi các chương trình cứu trợ này.

Ngoài ra, nhiều người lao động dân tộc thiểu số với nghề nghiệp không thuộc danh mục những nghề nghiệp được xác định trong các chương trình hỗ trợ đã không thể tiếp cận các chương trình. Bên



cạnh đó, hướng dẫn của một số cán bộ địa phương có xu hướng loại trừ các lao động không có hợp đồng lao động khỏi diện được nhận hỗ trợ. Những vấn đề này đã góp phần làm hạn chế tác động và hiệu quả của các hệ thống hỗ trợ của chính phủ. Có lẽ thực tế này cũng không phải là trường hợp ngoại lệ khi các chương trình có chủ đích tốt lại không giúp giảm thiểu thiệt hại tài chính đối với những nhóm cư dân thành thị dễ bị tổn thương nhất ở Việt Nam.

Người lao động di cư dân tộc thiểu số phải ứng phó bằng cách sử dụng tiền tiết kiệm, vay mượn và giảm chi tiêu đáng kể trong bối cảnh thiếu hỗ trợ tài chính của chính phủ và các mạng lưới an sinh cũng như thiếu vốn tài chính và vốn xã hội. Tuy nhiên, những phương án ứng phó này không giúp người lao động duy trì được trong dài hạn và sẽ tiếp tục góp phần tạo khó khăn cho cuộc sống của họ trong tương lai. Vì vậy, cần thiết có các chính sách bình đẳng và toàn diện để giúp những người lao động di cư dân tộc thiểu số ở Hà Nội và các thành phố khác ở Việt Nam có thể ứng phó với những thách thức liên quan đến đại dịch để có thể phục hồi điều kiện tài chính và hưởng phúc lợi bình đẳng ở đô thị.

Phụ nữ Việt Nam gánh rau đi bán ở khu vực cầu Long Biên, Hà Nội.  
 Nguồn: Shutterstock



# GIỚI THIỆU

Nghiên cứu này hướng đến hai mục tiêu: một là tìm hiểu người lao động di cư dân tộc thiểu số trải nghiệm tình trạng bất bình đẳng và sự lề hóa ở khu vực đô thị như thế nào (bao gồm cả các trải nghiệm trước khi dịch bệnh Covid-19 xảy ra), và tìm hiểu các biện pháp ứng phó với dịch bệnh và các chương trình hỗ trợ đã tác động như thế nào đến nhóm cộng đồng này. Trước khi dịch bệnh xảy ra, Quỹ Châu Á (TAF) đã lựa chọn Hà Nội là địa điểm thực hiện nghiên cứu bởi thành phố này có nhiều người dân tộc thiểu số đến sinh sống trong ngắn hạn và cả dài hạn, và nhóm cộng đồng này chưa được đề cập nhiều đến trong các nghiên cứu khác.

Bởi vì các nghiên cứu về di cư của người dân tộc thiểu số còn hạn chế cho nên nhóm nghiên cứu đã kết hợp cả nghiên cứu bàn và phỏng vấn để tìm hiểu trải nghiệm của người di cư dân tộc thiểu số. Thông qua các cuộc thảo luận sâu tập trung vào những hỗ trợ của Chính phủ, nghiên cứu mong muốn thông tin tới các cơ quan chức năng và các tổ chức phi chính phủ (NGOs) về những hình thức trợ giúp cần thiết nhằm giúp người lao động di cư dân tộc thiểu số vượt qua những mất mát do dịch bệnh mang lại, đồng thời có thể đóng góp hiệu quả hơn cho nền kinh tế và cuộc sống đô thị ở Việt Nam.

Nhóm nghiên cứu tập trung vào 5 câu hỏi nghiên cứu:

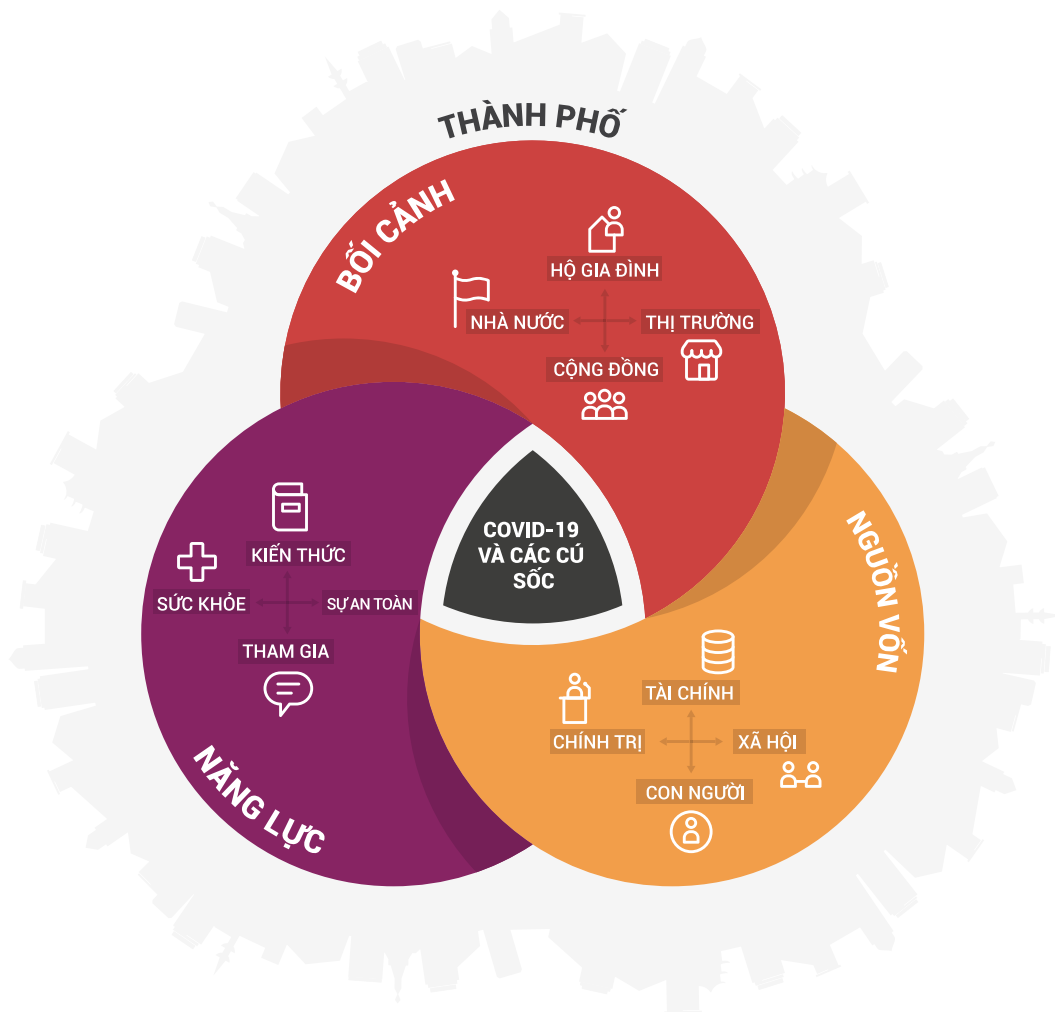
1. Điều gì thúc đẩy người dân tộc thiểu số di cư đến và ở lại Hà Nội?
2. Yếu tố nào hỗ trợ hay gây cản trở đối với người di cư dân tộc thiểu số trong việc tìm việc làm ở Hà Nội?
3. Yếu tố nào hỗ trợ hay gây cản trở người di cư dân tộc thiểu số trong việc tiếp cận các dịch vụ công và tham gia vào đời sống công ở Hà Nội?
4. Các biện pháp (hạn chế đi lại, làm việc) nhằm kiểm soát dịch bệnh đã ảnh hưởng đến khả năng duy trì thu nhập của người di cư dân tộc thiểu số như thế nào?
5. Các chính sách của chính phủ đã hỗ trợ những người lao động di cư dân tộc thiểu số duy trì thu nhập trong các giai đoạn dịch bệnh như thế nào?

Nhóm nghiên cứu bắt đầu thực hiện nghiên cứu bàn trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2020, và thực hiện 19 cuộc phỏng vấn bán cấu trúc thông qua các ứng dụng trực tuyến hoặc trực tiếp từ tháng 10/2020 đến tháng 1/2021. Nghiên cứu viên

chính lựa chọn người phỏng vấn nhằm đảm bảo tính đa dạng về nguồn gốc xuất xứ, nghề nghiệp, tuổi, và thành phần dân tộc. Đa phần người tham gia phỏng vấn là nữ, với 13 trong tổng số 15 người được phỏng vấn là nữ, tuổi từ 21 đến 53 và có trình độ học vấn từ lớp 3 đến đại học. Họ sinh sống ở Hà Nội từ ba tháng đến 7 năm tính đến thời điểm phỏng vấn. Ngoài 15 người lao động di cư, nhóm nghiên cứu thực hiện phỏng vấn với một người làm việc trong lĩnh vực xây dựng và ba nhân viên của các tổ chức phi chính phủ để tìm hiểu về đề tài nghiên cứu từ góc nhìn của các nhóm có chuyên môn và kinh nghiệm làm việc với nhóm đối tượng nghiên cứu. Chi tiết về phương pháp nghiên cứu và hướng dẫn thực hiện nghiên cứu được trình bày ở Phụ lục A và B, và chi tiết thông tin về những người tham gia phỏng vấn được trình bày ở Phụ lục C.

## Khung nghiên cứu 5Cs: Bối cảnh, nguồn vốn và năng lực

Nghiên cứu này sử dụng khung nghiên cứu “5Cs” trong việc diễn giải các hiện tượng bất bình đẳng đa chiều mà các nhóm và cá nhân phải trải nghiệm trong bối cảnh khủng hoảng.<sup>1</sup> Trong bối cảnh nghiên cứu, khung 5Cs giúp thực hiện quá trình phân tích các tác động của dịch bệnh Covid-19 từ các góc độ bối cảnh, nguồn lực và năng lực. Cụ thể, với khía cạnh **bối cảnh** chúng tôi đi sâu vào tìm hiểu các tác động của dịch bệnh Covid-19 đến các vấn đề phi y tế, ví dụ như thu nhập và các biện pháp chính phủ đã áp dụng để ứng phó với dịch bệnh. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu xem xét **nguồn vốn** của con người (cả những nguồn lực nhìn thấy được và không nhìn thấy được), đặc biệt ở khía cạnh các nguồn vốn kinh tế, xã hội và giáo dục,



đã bị tác động bởi đại dịch và các biện pháp kiểm soát dịch bệnh như thế nào. Cuối cùng, việc không còn các nguồn lực đã dẫn đến các khả năng ứng phó trong ngắn hạn và dài hạn của cá nhân/cộng đồng như thế nào, và khả năng ảnh hưởng đến **năng lực** của cá nhân/cộng đồng trong tương lai, đặc biệt khả năng đảm bảo công việc, thu nhập, theo đuổi sự nghiệp và có thể sinh sống độc lập bên ngoài gia đình.

Mối quan hệ nhân quả giữa các cấp độ và yếu tố để phân tích – bối cảnh, nguồn vốn và năng lực - không phải là mối quan hệ một chiều hay giản đơn: ví dụ như yếu tố bối cảnh ảnh hưởng đến nguồn vốn và năng lực, và đồng thời các yếu tố nguồn lực hay năng lực cũng sẽ đóng góp và ảnh hưởng đến bối cảnh.

Trong nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu áp dụng khung nghiên cứu 5Cs để hiểu hơn các thách thức dài hạn mà các nhóm di cư dân tộc thiểu số ở Việt Nam, cụ thể là ở Hà Nội, đang phải đối mặt. Khi xem xét vấn đề bối cảnh: nhóm nghiên cứu xem xét các tác động của dịch bệnh bao gồm các biện pháp giãn cách xã hội tác động đến việc làm của người lao động như thế nào, các chương trình hỗ trợ của nhà nước tác động gì đối với người lao động. Nhóm nghiên cứu cũng xem xét các tác động từ các biện pháp ứng phó với dịch bệnh đối với các nguồn vốn tài chính, xã hội và giáo dục của các cá nhân và các gia đình, và từ đó tìm hiểu những tác động trong ngắn hạn và cả những ảnh hưởng đến năng lực của con người trong dài hạn, cũng như ảnh hưởng đến các khả năng phục hồi sau đại dịch.

# 1. TỔNG QUAN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG DI CƯ DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

Ở Việt Nam, nhiều người di cư từ các vùng nông thôn đến các khu vực thành thị như Hà Nội để tìm kiếm các cơ hội giáo dục và sinh kế. Theo các nghiên cứu khác nhau, khoảng 35% đến 57% người dân di cư để kiếm việc làm, tiếp theo là các lý do khác như hôn nhân (21%-26%), và giáo dục (13%-23%). Ngoài ra, 63% người di cư cho rằng thiếu đất hoặc đất quá bạc màu để sản xuất nông nghiệp hoặc thiếu vốn đầu tư vào sản xuất (45%) là lý do để chuyển đến các thành phố.<sup>2</sup>

Trong số những người di cư nội địa, nhiều người thuộc các dân tộc thiểu số - nhóm dân chiếm xấp xỉ 14 triệu người trong 96 triệu dân của Việt Nam. Nhóm dân tộc đa số, là dân tộc Kinh, chiếm khoảng 85% dân số.<sup>3</sup> Việt Nam có 53 dân tộc thiểu số và một số dân tộc có trên 1 triệu người chẳng hạn như dân tộc Tày, dân tộc Thái, dân tộc Mường, dân tộc Khơ-me, dân tộc Hmông và dân tộc Nùng.

Các dân tộc thiểu số của Việt Nam chủ yếu cư trú ở nông thôn và vùng sâu vùng xa, với sinh kế đa phần phụ thuộc vào nông nghiệp và du lịch. Những khu vực địa lý này thường có kết nối internet không thuận tiện bằng các khu vực thành thị. Những cộng đồng này thường phải đối mặt với "bẫy nghèo địa lý"<sup>4</sup> bởi các khu vực này vẫn có tỷ lệ nghèo cao nhất và trình độ học vấn thấp nhất trong cả nước mặc dù nhiều chương trình giảm nghèo đã được thực hiện sau hơn hai thập kỷ.

## THOÁT KHỎI VÙNG NGHÈO ĐỂ TÌM KIẾM CƠ HỘI Ở VÙNG ĐÔ THỊ

Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận hơn 20% tổng số người di cư trong cả nước.<sup>5</sup> Nhiều lao động di cư đến các thành phố này, đặc biệt là những người thuộc nhóm dân tộc thiểu số hoặc các nhóm yếu thế khác, có xu hướng làm các công việc không ổn định, ngắn hạn, phi chính thức, lương thấp và có nhiều rủi ro chẳng hạn như xây dựng, lĩnh vực tái chế và làm ở các xưởng sản xuất. Ở những môi trường làm việc như vậy, người lao động thường không được hỗ trợ các biện pháp bảo vệ sức khỏe hoặc có các tiêu chuẩn an

toàn để tuân thủ. Hơn thế nữa, người lao động di cư làm công việc bán hàng rong trên các đường phố phải tiếp xúc với mức độ ô nhiễm không khí cao và các mối nguy hiểm khác mà không có bất kỳ biện pháp bảo vệ nào.<sup>6</sup>

Bất chấp những hiểm họa nói trên, 10 trong số 15 người lao động được phỏng vấn chia sẻ động lực để họ ở lại Hà Nội là vì mức thu nhập cao hơn ở quê nhà. Và với mức thu nhập đó họ có thể tự trang trải cuộc sống cá nhân hoặc chu cấp cho cả gia đình. Những người khác chia sẻ họ di cư ra Hà Nội để kiếm thêm thu nhập khi đã xong các hoạt động nông nghiệp hoặc vì mục đích trả nợ. Khoảng 50% người được phỏng vấn cho biết các cơ hội đào tạo và rèn luyện kỹ năng cũng là một lý do để họ di chuyển đến Hà Nội. Một người tham gia nghiên cứu giải thích rằng các cơ sở đào tạo tại Hà Nội sẽ mang lại nhiều cơ hội việc làm hơn nếu so sánh với việc học ở các trường gần nhà với chi phí thấp hơn, trong khi đó một trường hợp khác nhấn mạnh cơ hội đào tạo nâng cao tay nghề khi làm việc ở Hà Nội là tốt hơn. Một số người lao động di cư đã chọn Hà Nội vì họ có thể dễ dàng về nhà khi cần thiết.

***"Em chọn làm việc ở Hà Nội vì nếu có gì xảy ra ở nhà, gọi là em về được luôn"***

*– nữ lao động, làm nghề quét dọn, 36 tuổi, 6 năm ở Hà Nội*

### **Những người di cư ở các thành phố như Hà Nội**

có thể được phân loại thành (i) người di cư theo mùa vụ - di cư trong thời gian các hoạt động nông nghiệp



đã kết thúc, (ii) người di cư tạm thời - những người di cư này có thời gian từ di cư từ hàng tuần đến một vài năm và có ý định quay trở lại sinh sống ở quê hương và (iii) người di cư lâu dài - di cư trong nhiều năm mà không có ý định quay trở lại nơi sinh sống ban đầu. Trong khi "người di cư lâu dài" có vẻ không phổ biến, thì 25% người được phỏng vấn cho biết họ ở lại thành phố lâu dài vì họ thích cuộc sống ở Hà Nội, chẳng hạn như "sự nhộn nhịp" của thành phố, cơ hội để thử một điều gì mới mẻ, nhiều cửa hàng và dịch vụ. Với cách thức phân loại như vậy, có khả năng những người di cư chiếm một số lượng đáng kể trong dân số ở các thành phố như Hà Nội.

## **ĐỊNH KIẾN VÀ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ CÙNG VỚI SỰ TỰ CO CỤM CẢN TRỞ SỰ HÒA NHẬP XÃ HỘI**

Từ một số nghiên cứu cho thấy tồn tại sự căng thẳng trong dân cư ở Hà Nội liên quan đến thành phần dân tộc hay tình trạng di cư. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng một bộ phận cư dân thành phố ở Hà Nội có xu hướng coi lao động di cư, đặc biệt là những người nghèo, là một "vấn đề xã hội",<sup>7</sup> là "lạc hậu, tham lam và vô học."<sup>8</sup> Các phương tiện truyền thông có xu hướng củng cố những định kiến này bằng cách nhấn mạnh người dân tộc thiểu số là những người có trình độ học vấn kém và phụ thuộc vào hỗ trợ của nhà nước.<sup>9</sup> Do đó, mặc dù luật pháp Việt Nam nghiêm cấm phân biệt đối xử với các dân tộc thiểu số, nhưng sự phân biệt đối xử vẫn tồn tại, ví dụ như thông qua các hình thức hạn chế không chính thức trong việc tiếp cận việc làm và giáo dục đối với nhóm cộng đồng này.

Những người được phỏng vấn đã mô tả nhiều trải nghiệm về định kiến và phân biệt đối xử kể từ khi họ chuyển đến Hà Nội. Hai trong số những người được phỏng vấn đã được những người thân cảnh báo về những thành kiến và sự phân biệt đối xử khi sinh sống ở Hà Nội.

***"Ở trên nhà họ cứ dọa thì họ bảo người Thái đi làm thì người Kinh bắt nạt"***

*– nữ công nhân làm nghề xây dựng, 53 tuổi, 4 năm ở Hà Nội*

Những cảnh báo về sự kỳ thị và phân biệt đối xử từ người thân có khả năng dẫn đến sự hạn chế mở rộng

các mạng lưới xã hội hay tham gia vào đời sống xã hội ở nơi đến đối với người dân tộc thiểu số. Nhiều người tham gia phỏng vấn đã phải trải qua những trải nghiệm tiêu cực để có thể tham gia vào các hoạt động xã hội ở Hà Nội.

***"Mới đâu cũng bị phân biệt, đồ dân tộc chẳng biết gì, chị cũng rơi nước mắt. Lúc đầu thôi, chứ bắt nạt chứ giờ thì không thể nhé"***

*– nữ lao động, làm nghề quét dọn, 38 tuổi, 6 năm ở Hà Nội*

Nghiên cứu cho rằng người di cư dân tộc thiểu số dường như có xu hướng kết nối với những người cùng thành phần dân tộc ở Hà Nội để mở rộng quan hệ xã hội và chia sẻ thông tin.

***"Em xuống và gặp người dân tộc Thái nên cùng tìm hiểu, tạo dựng mối quan hệ, giúp đỡ nhau về thông tin"***

*– nữ công nhân xây dựng, 27 tuổi, 5 tháng ở Hà Nội*

Trải nghiệm bị phân biệt đối xử đa phần được ghi nhận đối với những người tham gia nghiên cứu có trình độ học vấn thấp hơn. Ở chiều cạnh ngược lại, một vài người hiện đang theo học đại học hoặc đã rời trường đại học cho rằng việc mở rộng các kết nối xã hội dễ dàng hơn nhóm có trình độ học vấn thấp hơn. Bốn sinh viên trong nhóm những người tham gia nghiên cứu đã thực hiện các hoạt động xã hội rất sôi nổi và đa dạng. Một vài người đã tổ chức các sự kiện để chia sẻ nét đẹp giữa các nền văn hóa khác nhau. Tuy nhiên, một khía cạnh được những người tham gia nghiên cứu chia sẻ đó là các hoạt động của họ đôi khi thu hút sự chú ý của chính quyền địa phương và khiến các bạn cảm thấy lo lắng. Theo như một ý kiến cho biết:

***"Chính quyền thường quan tâm để ý nhiều hơn đối với các nhóm của người dân tộc thiểu số. Ví dụ như nếu so với cùng hoạt động nếu được tổ chức bởi các nhóm dân tộc thiểu số thì sẽ bị để ý hơn nếu là do người Kinh tổ chức"***

*– cán bộ một tổ chức phi chính phủ chuyên làm về các vấn đề liên quan đến người dân tộc thiểu số, đã có 30 năm làm việc và sinh sống ở Hà Nội.*

Đối lập với nhóm các sinh viên, những người tham gia nghiên cứu khác hiếm khi tham gia các hoạt động xã hội ở Hà Nội hay tham gia các hoạt động ở nơi công cộng. Một số người lý giải cho hiện tượng này là bởi họ cần phải tiết kiệm tiền nên không tham gia các hoạt động ở Hà Nội, hoặc họ đã phải làm việc nhiều giờ đồng hồ trong ngày và cả cuối tuần nên còn rất ít thời gian để tham gia hoạt động khác.

***Anh đi làm ở Hà Nội mấy năm rồi đấy, mà vì lo lắng tiết kiệm tiền gửi về nhà nên hầu như anh chẳng đi đâu cả.***

– nữ công nhân xây dựng, 40 tuổi, ở Hà Nội  
3 tháng

***“Chị đi làm về rồi ở trong đây, không biết gì cả, không khác như con chuột trong ổ”***

– nữ công nhân xây dựng, 42 tuổi,  
5 tháng ở Hà Nội

Ngôn ngữ và sự khác biệt văn hóa là những yếu tố khác dẫn đến sự tự co cụm và tạo ra những khó khăn nhất định trong việc tìm kiếm và thích ứng với những công việc mới.

***“Nhiều người người ta cũng nói là người dân tộc thế này thế kia, ngôn ngữ khó khăn, họ cũng gây khó khăn, không muốn thuê.”***

– nữ lao động làm nghề quét dọn, 36 tuổi,  
84 tháng ở Hà Nội

## **ĐỊNH KIẾN GIỚI ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC TỚI NGƯỜI NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ KHI DI CƯ VÀ CẢ KHI TRỞ VỀ**

Nhiều lao động nữ là người dân tộc thiểu số phải đối mặt với những thách thức khác vì giới tính của họ, bao gồm bị quấy rối tình dục. Hiện tượng này thể hiện ở việc lạm dụng lời nói cho đến tấn công tình dục.<sup>10</sup> Một số người được phỏng vấn chia sẻ trải nghiệm bị quấy rối tại nơi làm việc ví dụ như các đồng nghiệp nam sử dụng ngôn ngữ tục tĩu, đặc biệt ở các công trường xây dựng hay trong các khu nhà ở tạm dành cho công nhân.

***“Người nam hay đùa quá trớn quấy rối người nữ bằng những lời lẽ tục tĩu. Có lão hỏi chị “chồng em có làm được việc đấy hay không? Chồng không làm được thì hỏi anh”, chị gắt lên nên ông ấy không hỏi nữa. Chị đi cùng chồng chị mà đã bị như vậy, còn những người khác đi một mình không có chồng con thì chắc chắn bị xâm xõ bằng các cách khác nhau.”***

– nữ công nhân ở công trường xây dựng,  
40 tuổi, 3 tháng ở Hà Nội

Định kiến đối với phụ nữ cũng tồn tại khi những nữ lao động này quay trở về quê nhà. Một vài người tham gia nghiên cứu cho biết những người phụ nữ xa quê đôi khi được cho là đi làm nghề mại dâm ở thành phố, hay được nhìn nhận như những người mẹ, người vợ tồi theo quan niệm của dân làng.

***“Người trong thôn cho rằng nữ đi làm ăn xa thì bắt đầu sinh hư, học đòi, bỏ chồng, bỏ con.”***

– nữ công nhân ở công trường xây dựng, 40 tuổi,  
3 tháng ở Hà Nội

## **HỆ THỐNG ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ HẠN CHẾ KHẢ NĂNG TIẾP CẬN DỊCH VỤ CÔNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DI CƯ**

Khi sinh sống ở Hà Nội, người lao động di cư dân tộc thiểu số thường vấp phải nhiều khó khăn khi tiếp cận các dịch vụ công với lý do xuất phát từ chính bản thân người lao động hoặc do các yếu tố ngoại cảnh khác. Bên cạnh sự kỳ thị và phân biệt đối xử góp phần tạo nên sự ngại ngần tham gia đời sống xã hội ở Hà Nội, thì việc gắn bó với quê nhà dẫn đến việc nhiều lao động di cư duy trì đăng ký tạm trú hoặc không đăng ký cư trú ở nơi đến.<sup>11</sup> Điều đáng lưu ý là mỗi người chỉ được đăng ký cư trú tại một địa điểm và hưởng các dịch vụ công theo nơi đăng ký.<sup>12</sup> Do đó, nếu một người di cư lựa chọn duy trì tình trạng đăng ký cư trú ở quê nhà thì họ có thể phải chi trả cho một số dịch vụ công trong khi đang sinh sống ở Hà Nội ví dụ như dịch vụ y tế, hay giáo dục cho trẻ em.<sup>13</sup>

Đôi khi người di cư lựa chọn không đăng ký cư trú ở Hà Nội bởi lo lắng việc thay đổi đăng ký cư trú sẽ ảnh hưởng đến việc sở hữu đất nông nghiệp ở quê. Trong một số trường hợp khác, những người lao động di cư tạm thời không thể thực hiện được việc đăng ký cư trú bởi quá trình đăng ký có thể kéo dài hơn cả thời gian họ lưu lại Hà Nội. Một số trường hợp đã trải nghiệm sự phân biệt đối xử không chính thức như một người tham gia nghiên cứu đã chia sẻ về việc cán bộ chính quyền không đồng ý cấp giấy chứng nhận cư trú khi chị đăng ký để sử dụng cho mục đích xin việc.

Trong tất cả các trường hợp tham gia nghiên cứu, việc không đăng ký cư trú khi đang sinh sống ở thành thị thường hạn chế cơ hội tiếp cận các dịch vụ và cơ hội việc làm,<sup>14</sup> và những người di cư cùng trẻ em dường như trải nghiệm nhiều khó khăn hơn các nhóm khác. Cụ thể, một người tham gia nghiên cứu đã phải trả thêm chi phí để nhập học cho con ở trường công ở khu vực lân cận nơi hai mẹ con sinh sống.

***“Mà bạn chị nó bảo không có giấy KT3 thì sau này rất khó xin học cho đứa con thứ 2, chuẩn bị vào lớp 1 năm sau, vì họ sẽ xét duyệt những bạn có hộ khẩu, KT3 rồi mới đến những trường hợp như con chị nếu còn chỗ trống... chị dự định vẫn sẽ làm giấy KT3 từ giờ đến tết để chuẩn bị việc học cho con, nếu có tiền.”***

*– nữ lao động, làm nghề quét dọn, 6 năm ở Hà Nội*

## **SỰ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ, MẠNG LƯỚI XÃ HỘI HẠN HẸP VÀ THIẾU THÔNG TIN VIỆC LÀM KHIẾN ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI DI CƯ DÂN TỘC THIỂU SỐ KHÔNG ĐẢM BẢO**

Đa phần người tham gia nghiên cứu biết đến công việc hiện tại thông qua bạn bè, các thành viên gia đình hay đồng hương, và hầu hết đều cùng thành phần dân tộc. Chưa đến 50% người tham gia nghiên cứu tiếp cận thông tin việc làm qua mạng Internet, tuyển dụng của các công ty thực hiện tại địa phương, hay thông qua các cán bộ địa phương.<sup>15</sup> Một điều đáng chú ý là những thông tin “truyền miệng” qua người thân và bạn bè thường mang lại những công việc ngắn hạn và

không có hợp đồng lao động. Bởi vì vậy những người lao động di cư dân tộc thiểu số làm trong khu vực phi chính thức thường không có các mạng lưới an sinh ví dụ như bảo hiểm thất nghiệp: 62% người lao động chỉ có thỏa thuận miệng với người sử dụng lao động và 15% không có bất kỳ thỏa thuận nào.<sup>16</sup> Chỉ 0,2% những người lao động phi chính thức có bảo hiểm xã hội bắt buộc (được chi trả bởi người sử dụng lao động) và dưới 2% có bảo hiểm xã hội tự nguyện (người lao động tự chi trả).<sup>17</sup> Do đó, nhiều người tham gia phỏng vấn đang làm việc mà không có cơ sở bảo đảm hay cơ chế bồi thường khi cần thiết.

Đa phần người tham gia nghiên cứu cho biết họ đang làm việc trên cơ sở “thỏa thuận miệng” với người sử dụng lao động. Một số rất ít dường như biết về việc có thể yêu cầu một bản hợp đồng chính thức tuy nhiên lại giải thích hợp đồng tương ứng với các bản chấm công. Dường như người sử dụng lao động đã phân biệt đối xử và tận dụng sự không hiểu biết về luật lao động của người lao động di cư. Ví dụ một người làm thầu xây dựng giải thích với nhóm nghiên cứu là việc thuê và sử dụng nhiều người lao động dân tộc thiểu số đặc biệt bởi vì ít tốn kém hơn nếu thuê các nhóm lao động khác.

***Lý do chính mà tôi tuyển nhiều người dân tộc (thiểu số) hơn trước đây là bởi vì tôi phải chi trả thấp hơn. Nếu tôi muốn cạnh tranh với các nhà thầu khác thì tôi phải hạ chi phí đâu vào đâu nhiều nhất có thể, vì thế chúng tôi tuyển nhiều hơn người dân tộc ở các tỉnh phía Bắc. Chi phí phải trả cho nhóm này thì đỡ tốn hơn là nếu như tôi thuê cùng số lượng nhân công đó là người Kinh đến từ các tỉnh khác hay người Kinh ở Hà Nội”***

*– Nhà thầu xây dựng, 38 tuổi, 10 năm thực hiện các công trình xây dựng ở Hà Nội*

Mặc dù đây chỉ là một ý kiến đơn lẻ ghi nhận được trong quá trình nghiên cứu, tuy nhiên quan sát từ những người tham gia nghiên cứu cho thấy số lượng lớn công nhân tại những công trường xây dựng mà họ đã từng tham gia là người dân tộc thiểu số, và có trường hợp số lượng công nhân dân tộc thiểu số nhiều hơn hẳn so với người dân tộc Kinh. Thực tế quan sát

này cho thấy người sử dụng lao động có thể đã tận dụng việc thiếu hiểu biết của những người lao động dân tộc thiểu số để trả cho họ mức tiền thấp hơn các nhóm lao động người Kinh khác, đồng thời việc thực hiện như vậy củng cố thêm định kiến đó là “người dân tộc thiểu số không thông minh”.

Người tham gia nghiên cứu mong muốn công việc ở Hà Nội có thể mang lại thu nhập cao hơn ở quê nhà, hay công việc ở Hà Nội có thể ổn định hơn các việc làm nông nghiệp. Đa số những người tham gia phỏng vấn hầu như không đưa ra các đòi hỏi hay yêu cầu đối với người sử dụng lao động. Ví dụ một cá nhân chia sẻ về việc nếu gặp tai nạn trong quá trình làm việc thì đó là sự không may mắn của riêng cá nhân và sẽ không phản ánh với người sử dụng lao động.

Một điểm đáng lưu ý khác đó là những người có trình độ học vấn tốt hơn, sống ở Hà Nội khoảng ba năm hoặc nhiều hơn và có điện thoại thông minh có xu hướng là nhóm có khả năng tiếp cận thông tin việc làm trên mạng tốt hơn. Hai trong số những người

được phỏng vấn chia sẻ họ đã tìm được việc làm nhanh chóng trên các ứng dụng mạng sau khi đợt giãn cách xã hội đầu tiên kết thúc ở Hà Nội.

Mặc dù được chia sẻ thông tin từ người nhà, người quen hay qua một số ứng dụng mạng xã hội, việc thiếu thông tin về việc làm vẫn được đa phần người tham gia nghiên cứu nhắc đến như là một rào cản khi muốn thay đổi công việc. Bên cạnh đó, những lý do khác cũng được nhắc đến là kỹ năng hạn chế hay học vấn thấp. Ở một góc độ khác, một số người tham gia nghiên cứu có điện thoại thông minh song dường như vẫn phụ thuộc vào thông tin nghề nghiệp chia sẻ từ bạn bè và gia đình và như vậy công việc thường tập trung trong cùng một lĩnh vực, ví dụ như xây dựng. Vì vậy, họ có rất ít cơ hội để chuyển đổi nghề nghiệp hay thử sức trong các lĩnh vực khác. Tất cả những người tham gia nghiên cứu đều không đề cập đến thông tin việc làm cung cấp bởi các cơ quan hay tổ chức của nhà nước, điều này cho thấy họ không biết các nguồn thông tin như vậy tồn tại.



## 2. BỐI CẢNH: CÁC BIỆN PHÁP GIÃN CÁCH XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP

Việt Nam thực hiện chính sách giãn cách xã hội toàn quốc lần đầu<sup>18</sup> từ 1-15 tháng 4 năm 2020 và trong 15 ngày. Thời gian giãn cách đã được kéo dài ra cho đến cuối tháng 4 ở những vùng có rủi ro lây nhiễm cao, trong đó có Hà Nội.<sup>19</sup> Tất cả các cửa hàng và nhà máy phải đóng cửa trừ những nơi cung cấp nhu yếu phẩm. Việt Nam cũng dừng nhập cảnh của khách du lịch và người nước ngoài từ 22/3/2020.<sup>20</sup>

Việt Nam đã rất thành công trong việc ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh tính đến giữa năm 2021. Tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2021, chỉ có 10.810 trường hợp nhiễm Covid-19 được xác nhận và 59 trường hợp tử vong. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt một trong những mức cao trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, với gần 3% vào năm 2020 và dự kiến đạt 7% vào năm 2021.<sup>21</sup> Tuy nhiên, những biện pháp giới hạn di chuyển và giãn cách để ứng phó với đại dịch đã gây ra thiệt hại to lớn cho cá nhân và hộ gia đình.<sup>22</sup> Theo Tổng cục Thống kê, đến tháng 12 năm 2020, tình hình tài chính của hơn 32 triệu người trên toàn quốc bị ảnh hưởng, với 69% bị giảm thu nhập, 40% giảm giờ làm và khoảng 14% mất việc làm. Lực lượng lao động trong lĩnh vực dịch vụ chịu tổn thất nặng nề nhất, với 72% bị ảnh hưởng, tiếp theo là công nghiệp và xây dựng (65%) và nông, lâm nghiệp và thủy sản (26%).<sup>23</sup> Cụ thể hơn, tỷ lệ đói nghèo của các gia đình dân tộc thiểu số tăng hơn ba lần, tăng từ 22% trước đại dịch lên 76% vào tháng 4 năm 2020, và sau đó giảm nhẹ xuống khoảng 70% vào tháng 5 năm 2020.<sup>24</sup>

Đối với hầu hết những người tham gia nghiên cứu, đợt thực hiện giãn cách toàn quốc đầu tiên vào tháng 4 năm 2020 đã dẫn đến việc bị mất ít nhất một tháng thu nhập. Tác động của giai đoạn này có vẻ nghiêm trọng và tức thì đối với những người có ít hoặc không có tiền tiết kiệm. Những người không thể kiếm đủ tiền để tiết kiệm trước đại dịch, việc mất thu nhập hoàn toàn là điều vô cùng nghiêm trọng. Đối với một số người tham gia nghiên cứu, mất thu nhập không chỉ ảnh hưởng đến cuộc sống của họ ở Hà Nội mà còn đồng nghĩa với việc họ không thể chu cấp cho gia đình ở quê.

**“Chỉ không sợ Covid, chỉ sợ không có việc để làm”**

– nữ lao động, làm nghề quét dọn, 38 tuổi, 6 năm ở Hà Nội

Khu vực cách ly do có người nhiễm virus-SAR-COVID 2 ở Hà Nội, Việt Nam.  
Nguồn của ảnh: Vietnam Stock Images



### 3. CÁC BIỆN PHÁP GIẢN CÁCH XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN CÁC NGUỒN VỐN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại thời điểm phỏng vấn, những người tham gia nghiên cứu hầu như chỉ nhắc đến tác động của đợt bùng phát dịch bệnh đầu tiên bởi đợt bùng phát đó đi kèm với một tháng giãn cách xã hội ở Hà Nội và vì vậy họ không thể làm việc trong thời gian đó. Đa phần người tham gia nghiên cứu chia sẻ cảm giác không chắc chắn và tuyệt vọng trong giai đoạn đó vì không biết tình trạng không được làm việc và không có thu nhập sẽ kéo dài trong bao lâu. Như một người tham gia nghiên cứu chia sẻ:

*“Nếu Covid còn kéo dài 3 hay 4 tháng nữa thì không biết sẽ ra sao.”*

*– nữ quét dọn ở công trường xây dựng, 40 tuổi, 6 năm ở Hà Nội*

#### ĐỘ BAO PHỦ CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỨU TRỢ KHÔNG ĐỒNG ĐỀU VÀ NGUỒN VỐN XÃ HỘI LÀ YẾU TỐ QUAN TRỌNG ĐỂ TIẾP CẬN CỨU TRỢ

Để giảm thiểu tác động tiêu cực của đại dịch đến nền kinh tế, chính phủ Việt Nam đã triển khai một số chương trình, bao gồm gói tài chính hỗ trợ doanh nghiệp, chương trình cho vay với lãi suất bằng 0 để người sử dụng lao động trả lương cho người lao động, gói bảo trợ xã hội cho các nhóm dễ bị tổn thương và giảm giá điện, giảm lãi suất và một gói tín dụng cho các ngân hàng. Hiệu quả của các chương trình cứu trợ này đối với tất cả các nhóm đối tượng vẫn còn gây tranh cãi.<sup>25</sup> Ví dụ, khoảng 80% doanh nghiệp không thể tiếp cận các gói tài chính hoặc cho vay của chính phủ vì thiếu thông tin và khó khăn trong việc đáp ứng đủ các tiêu chí để tiếp cận hỗ trợ.<sup>26</sup> Khả năng không tiếp cận được viện trợ của chính phủ có thể đã ảnh hưởng đến việc chi trả cho người lao động để giúp họ vượt qua đại dịch.

Gói hỗ trợ người lao động đầu tiên được Chính phủ thực hiện là gói hỗ trợ 62 nghìn tỷ đồng. Đa số những người được phỏng vấn khẳng định họ đã nghe nói về gói hỗ trợ, thông qua hình thức truyền miệng, đài phát thanh, loa công cộng,<sup>27</sup> hoặc từ chính quyền địa phương. Khoảng 50% người được phỏng vấn đã nhận được hỗ trợ hoặc có người thân ở quê đã nhận hỗ trợ. Những người này thường thuộc về những hộ gia đình được ghi nhận là “nghèo” hoặc “cận nghèo” trong danh mục được xác nhận trước đại dịch. Theo nhóm ý kiến này quá trình tiếp cận hỗ trợ của chương trình là dễ dàng và đơn giản, hầu như không cần phải nộp hoặc hoàn thành các thủ tục giấy tờ.

Tuy nhiên, những cá nhân không thuộc các hộ gia đình “nghèo” hoặc “cận nghèo” trước đại dịch có những trải nghiệm ngược lại. Nhóm những cá nhân này cho biết họ không có thông tin chi tiết về chương trình và không biết làm thế nào để tiếp cận nguồn hỗ trợ. Họ chia sẻ về việc phải chuẩn bị nhiều giấy tờ để chứng minh tình trạng thất nghiệp của bản thân.

Một số lý do khiến người lao động không thể tiếp cận gói hỗ trợ đó là: thủ tục hành chính phức tạp, thiếu thông tin và hướng dẫn rõ ràng cho người nộp đơn, thiếu giấy tờ liên quan đến đăng ký cư trú.<sup>28</sup> Nhìn chung, các cuộc phỏng vấn chỉ ra rằng chương trình không hiệu quả trong việc hỗ trợ những người đột ngột

bị mất thu nhập. Chính quyền ở nhiều địa phương đã truyền đạt thông tin không nhất quán, diễn giải chương trình hỗ trợ theo hướng thu hẹp lại đối tượng được hỗ trợ và loại trừ những lao động không có hợp đồng ra khỏi nhóm đối tượng được nhận hỗ trợ.

**“Vi họ (cán bộ thôn) nói cái này chỉ cấp cho những người làm việc có hợp đồng lao động, những người làm việc ở công ty”**

– nữ công nhân xây dựng, 40 tuổi, 3 tháng ở Hà Nội

Bên cạnh đó, trong một số trường hợp, người lao động di cư có hợp đồng lao động cũng gặp khó khăn trong việc tiếp cận gói viện trợ bởi họ đã quay trở lại quê nhà trước khi đợt giãn cách xã hội đầu tiên diễn ra và vì vậy không thể quay lại nơi làm việc để hoàn thiện các giấy tờ cần thiết theo như quy định và cung cấp cho cơ quan phụ trách gói hỗ trợ.

**“Thủ tục rườm rà lắm như thành cu nhà chị nghỉ nửa tháng... nhưng khi hỏi thủ tục thì hỏi giấy tờ thì nếu đi đi về về để lấy đủ giấy tờ đó thì cũng không đủ bù tiền đi lại để lấy giấy tờ nên thôi.”**

– nữ công nhân ở công trường lao động, 40 tuổi, ở Hà Nội 3 tháng

Ngoài ra, một nhóm nhỏ người được phỏng vấn có nhiều thông tin về chương trình và họ thường là những cá nhân có nhiều mối quan hệ xã hội hay nói cách khác họ là những thành viên tích cực trong một số hội, nhóm hay mạng lưới ví dụ hội phụ nữ. Tuy nhiên, kể cả những người hiểu rất rõ về chương trình viện trợ cũng không nhận được trợ cấp do thiếu giấy đăng ký cư trú và các giấy tờ liên quan khác.

**“Em biết là loại công việc em làm thuộc diện được hỗ trợ từ chương trình nhưng em không có giấy tạm trú ở Hà Nội, vì vậy em không có đủ giấy tờ. Với lại không ai đứng ra chúng nhận công việc làm bốc vác của em cả”**

– nam lao động, làm nghề bốc vác, 23 tuổi, 4 năm ở Hà Nội

## **SỰ TỰ TẾ, VAY MƯỢN QUY MÔ NHỎ VÀ MỸ GÓI ĐỂ VƯỢT QUA KHÓ KHĂN VÀ SỰ TUYỆT VỌNG**

Một số người tham gia nghiên cứu đã yêu cầu người sử dụng lao động tạm ứng lương để duy trì cuộc sống qua giai đoạn giãn cách xã hội. Với những cá nhân không có tiền tiết kiệm, họ phải vay mượn từ họ hàng, bạn bè và đồng nghiệp. Tuy nhiên không phải lúc nào điều này cũng thực hiện được. Một cá nhân chia sẻ về việc ghi sổ nợ từ cửa hàng rau gần nhà để qua giai đoạn khó khăn với lời hứa sẽ trả tiền sau khi đi làm lại. Một vài người khác cho biết phải nợ tiền thuê nhà một vài tháng. Một số người khác chia sẻ thu nhập của họ giảm nhiều sau khi giãn cách xã hội kết thúc, có trường hợp giảm 50% so với trước khi giãn cách bởi lý do lượng công việc giảm hay phải chuyển sang các công việc khác với mức thù lao thấp hơn.

Liên quan đến mức độ dinh dưỡng của thực phẩm trong giai đoạn giãn cách đầu tiên, một số người phải giảm lượng thức ăn và hầu như chỉ có gạo và mì gói làm thức ăn chính trong giai đoạn giãn cách xã hội. Một số người có nghĩa vụ phải chu cấp cho gia đình cũng phải giảm các nguồn thực phẩm và gia đình họ ở quê nhà cũng phải thực hiện như vậy. Với những người là công nhân tại các công trường xây dựng, họ thường được cung cấp bữa ăn trong thời gian làm việc, tuy nhiên khi giãn cách xã hội xảy ra đồng nghĩa với việc các bữa ăn không được cung cấp cũng như bị cắt thu nhập. Tuy nhiên một số ít người sử dụng lao động vẫn duy trì cung cấp bữa ăn cho người lao động trong thời gian giãn cách. Nhiều người tham gia phỏng vấn cho biết khả năng tài chính cũng như sức khỏe thể chất và tinh thần của họ bị suy giảm nghiêm trọng và họ sẽ không thể tiếp tục duy trì cuộc sống nếu như giai đoạn giãn cách xã hội kéo dài hơn một tháng.

## 4. NĂNG LỰC: MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG TƯƠNG LAI VÀ CÁC CƠ HỘI

Nghiên cứu này cho thấy đại dịch và các biện pháp quản lý đại dịch ví dụ như chính sách giãn cách xã hội đã làm cạn kiệt vốn tài chính, vốn xã hội và năng lực tự thân vốn đã hạn chế của người lao động di cư dân tộc thiểu số. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để giúp những người di cư dân tộc thiểu số vượt qua các rào cản để không chỉ phục hồi sau những thiệt hại liên quan đến đại dịch mà còn đạt được viễn cảnh an sinh tốt hơn trong tương lai. Nghiên cứu đề xuất bốn lĩnh vực cần chú ý đặc biệt.

### ĐỊNH KIẾN VÀ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ HẠN CHẾ ĐÓNG GÓP CỦA NGƯỜI DI CƯ NƠI THÀNH THỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự phân biệt đối xử đối với các dân tộc thiểu số bắt nguồn từ định kiến của nhóm dân tộc đa số đối với nhóm dân tộc thiểu số và từ sự tự định kiến của người dân tộc thiểu số. Những trải nghiệm bị phân biệt đối xử có thể sẽ ảnh hưởng đến cách thức sinh sống và làm việc của các nhóm lao động di cư dân tộc thiểu số ở Hà Nội. Sự tự định kiến và những cảnh báo của người thân ở quê có thể ảnh hưởng đến sự tham gia của họ trong đời sống công ở Hà Nội, hạn chế di chuyển trong đô thị và chỉ tương tác với những người lao động tại nơi làm việc hay cộng đồng của những người cùng sắc tộc. Do đó họ sẽ tự hạn chế vốn xã hội tại nơi đến cũng như không hòa nhập với đời sống đô thị. Sự nghi ngại của chính quyền đối với các hoạt động nhóm họp hay tự tổ chức của người dân tộc thiểu số tại nơi đến, cũng sẽ ảnh hưởng phần nào đến sự tham gia của người dân tộc thiểu số trong các khía cạnh khác nhau của đời sống ở Hà Nội.

Sự phân biệt đối xử chính thức và không chính thức hoặc định kiến cũng có thể dẫn đến việc không được tiếp cận với các thủ tục giấy tờ phù hợp, chẳng hạn như giấy tờ cư trú hoặc các chương trình cứu trợ. Điều này làm giảm đáng kể khả năng tiếp cận của người lao động di cư dân tộc thiểu số với các chương trình bảo trợ xã hội và các cơ hội làm việc trong khu vực chính thức.

Sự phân biệt đối xử cũng được thể hiện ở mức chi trả chênh lệch giữa các nhóm công nhân là người Kinh và người dân tộc thiểu số, hay ở việc tuyển dụng nhiều lao động dân tộc thiểu số vì chi phí thấp, thiếu hiểu biết về luật, hạn chế khả năng vận động thay đổi hoàn cảnh, và thiếu nguồn vốn xã hội ở nơi đến... Khi người lao động di cư tiếp tục và chỉ giao tiếp với những nhóm lao động có cùng sắc tộc ở nơi đến, và coi đó là một cách để hạn chế bị phân biệt đối xử hay bị “bắt nạt” tại nơi làm việc thì họ sẽ tiếp tục là đối tượng được tuyển chọn vào những công việc có mức chi trả thấp và có khả năng rủi ro cao.

### PHỤ NỮ ĐỐI DIỆN VỚI CÁC THỰC HÀNH PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

Trong số những người tham gia nghiên cứu có bốn lao động nữ là những người lao động chính trong gia đình. Những người phụ nữ này đã cảm nhận về tác động của các chính sách giãn cách xã hội ở mức độ nghiêm trọng nhất, và họ cũng phải đối mặt với nhiều thách thức hơn để phục hồi sau những giai đoạn đó. Trên thực tế, Chương trình 62 nghìn tỷ không tính đến yếu tố giới hay không tính đến những thách thức cụ thể mà lao động nữ thuộc các nhóm khác nhau phải đối mặt, chẳng hạn như những người làm việc trong khu vực phi chính thức. Mặc dù có những bằng chứng chỉ ra việc thực hiện chương trình 62 nghìn tỷ còn hạn chế, tuy nhiên chính phủ vẫn duy trì cách tiếp cận tương tự trong việc phát triển gói cứu trợ thứ hai cho các nhóm lao động trong năm 2021, một lần nữa bỏ qua nhiều lao động nữ trong lĩnh vực phi chính thức.



Việc thiếu hỗ trợ tài chính tạo thêm nhiều khó khăn đối với phụ nữ di cư, những người phải làm việc tại các công trường xây dựng, nơi họ phải đối mặt với tình trạng quấy rối tình dục. Trong khi đó lao động nữ cũng có thể ngại ngần quay lại quê nhà vì những quan niệm tiêu cực đối với người nữ đi làm ăn xa quê.

## NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH ĐỐI VỚI NGƯỜI DI CƯ DÂN TỘC THIỂU SỐ CÓ THỂ TẠO THÊM THÁCH THỨC CHO SỰ PHỤC HỒI TRONG DÀI HẠN

Một số người tham gia nghiên cứu giải thích rằng thu nhập của họ dần tăng lên và đạt mức thu nhập trước khi đại dịch xảy ra. Tuy nhiên, việc phải vay mượn trong thời gian giãn cách xã hội và một vài tháng sau đó khiến khả năng tài chính của họ vẫn bấp bênh. Một số người lo lắng về một đợt giãn cách xã hội tương tự như vậy lại tiếp tục xảy ra và khả năng không thể vượt qua lần nữa.

Những người được phỏng vấn cũng chia sẻ về những tác động của đợt giãn cách đầu tiên đối với sức khỏe tâm trí, đó là sự lo lắng và stress. Người lao động lo lắng về khả năng bị lây nhiễm bệnh đồng thời tuyệt vọng về tình trạng việc làm và thu nhập trong giai đoạn đó. Một trong những người được phỏng vấn thực sự lo sợ nếu đợt dịch mới tiếp tục bùng phát và việc không thể duy trì bữa ăn cho con cái. Đại dịch đã ảnh hưởng sâu sắc đến các vốn xã hội và khả năng của những người tham gia nghiên cứu, đặc biệt khi những lao động này phụ thuộc khá nhiều vào các mạng lưới xã hội hạn hẹp để tìm việc, nhận và chia sẻ thông tin ở thành phố.

## NĂNG CAO KỸ NĂNG TAY NGHỀ VÀ LƯỢNG THÔNG TIN ĐẦY ĐỦ HƠN SẼ GIÚP CẢI THIỆN ĐIỀU KIỆN VÀ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DI CƯ DÂN TỘC THIỂU SỐ

Nghiên cứu của chúng tôi nhận thấy là những người biết cách sử dụng mạng và mạng xã hội để tìm kiếm việc làm thì có nhiều lợi thế hơn các nhóm còn lại. Hơn thế nữa, mạng lưới internet sẵn có và ổn định với chi phí phù hợp sẽ nâng cao khả năng của người dùng trong việc tiếp cận các cơ hội học hỏi, nâng cao tay nghề và thay đổi công việc. Đây yếu tố căn bản để Việt Nam có thể không phải đối mặt với thách thức gia tăng khoảng cách tiếp cận kỹ thuật số giữa các nhóm dân cư khác nhau ở những quốc gia đang phát triển.

Việc tiếp cận các công việc với giấy tờ hợp đồng có thể đạt được nếu như người lao động dân tộc thiểu số nâng mức kỳ vọng của họ đối với công việc liên quan đến điều kiện lao động hay mức lương, đồng thời hiểu biết hơn về quyền của người lao động cũng như các hợp đồng lao động. Tuy nhiên, người lao động dân tộc thiểu số dường như hiểu biết rất hạn chế về những nguồn thông tin về lao động và việc làm chính thức, đặc biệt từ những cơ quan của chính phủ. Do đó họ có ít thông tin về các mức lương cho các công việc tương tự và vì vậy ít có khả năng để thương thuyết với người sử dụng lao động về mức lương.

## KẾT LUẬN

Người lao động di cư phi chính thức thường ở trong những nhóm gặp nhiều bất lợi hơn so với các nhóm lao động khác, và đại dịch làm cho họ trở nên dễ bị tổn thương hơn ở cả khía cạnh kinh tế và sức khỏe tinh thần. Kết quả nghiên cứu bàn và những cuộc phỏng vấn với những người lao động di cư dân tộc thiểu số đã hé lộ những tác động đa chiều của đại dịch đối với nhóm cộng đồng này.

Mặc dù người lao động di cư dân tộc thiểu số vẫn đang kiên trì vượt qua những khó khăn do đại dịch mang lại, nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra một số những vấn đề, trong dài hạn và cả những vấn đề mới nổi, cần phải được quan tâm để giải quyết nhằm giúp

nhóm dân cư này không chỉ phục hồi tốt hơn sau khi đại dịch kết thúc mà còn giúp họ thoát nghèo.

Để phục hồi sau đại dịch một cách công bằng, chính quyền và các đối tác phát triển trong nước và quốc tế cần hiểu rõ hơn những trải nghiệm của những nhóm thiệt thòi ví dụ như nhóm lao động di cư dân tộc thiểu số và cần phải tính đến những vấn đề đã được đề cập trong báo cáo này trong quá trình thiết kế và thực hiện các chính sách và văn bản pháp luật liên quan.

*Những người bán hàng rong đang thu xếp dọn dẹp chỗ bán hàng trong một buổi sáng ở Hà Nội, Việt Nam, 2020.  
Nguồn của ảnh: NamLong Nguyen*



# PHỤ LỤC

## PHỤ LỤC A: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để bắt đầu nghiên cứu này, chúng tôi đã thực hiện nghiên cứu ban trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2020. Tiếp theo đó chúng tôi thực hiện 19 cuộc phỏng vấn bán cấu trúc, và những cuộc phỏng vấn này là phương pháp thu thập thông tin thực địa chính của nghiên cứu. Chúng tôi lựa chọn nhóm mẫu có chủ đích và mời họ tham gia nghiên cứu đồng thời vẫn cố gắng đảm bảo tính đa dạng của nhóm mẫu trên cơ sở nguồn gốc quê quán, nghề nghiệp, tuổi tác, và thành phần dân tộc.

### Nghiên cứu bàn

Các nguồn tư liệu về di cư nội địa của Việt Nam vô cùng phong phú, tuy nhiên chúng tôi gặp hạn chế khi tìm kiếm các tài liệu liên quan đến tình hình di cư của người dân tộc thiểu số, đặc biệt ở khu vực thành thị. Các tài liệu chúng tôi thu thập được đến từ khá nhiều nguồn bao gồm cả các báo cáo của chính phủ như các báo cáo của Tổng cục thống kê, các tổ chức quốc tế như các tổ chức Liên hợp quốc, Ngân hàng thế giới, các tổ chức phi chính phủ quốc tế, các tổ chức phi chính phủ Việt Nam và báo chí. Chúng tôi cũng tham khảo một số văn bản chính sách liên quan đến đại dịch Covid-19. Nhìn chung có khoảng 30 các báo cáo và các bài báo đã được chúng tôi tham khảo, chi tiết xin xem thêm ở phần danh mục tài liệu tham khảo.

### Phỏng vấn bán cấu trúc

19 cuộc phỏng vấn được thực hiện trong khoảng từ tháng 10/2020 đến tháng 1 năm 2021. Trước khi các cuộc phỏng vấn được thực hiện, chúng tôi đã phát triển một bản hướng dẫn phỏng vấn nhằm đảm bảo thu thập thông tin liên quan đến 5 câu hỏi chính của nghiên cứu. 5 câu hỏi chính của nghiên cứu được phát triển trên cơ sở kết quả của nghiên cứu ban với các tài liệu thứ cấp. Ví dụ như vấn đề đăng ký cư trú hay sổ hộ khẩu là một vấn đề nổi cộm với lao động di cư được ghi nhận trong nhiều tài liệu và báo cáo thu thập được. Nghiên cứu viên chính lựa chọn chương trình cấu trúc 62 nghìn tỷ trong nhiều chương trình của chính phủ để thảo luận với những người tham gia nghiên cứu bởi vì chương trình này liên quan trực tiếp đến đối tượng nghiên cứu cũng như được chia sẻ rộng rãi trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng ở Việt Nam. Nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn thử bộ câu hỏi với một vài người di cư và sau đó đã chỉnh sửa bộ câu hỏi trước khi thực hiện các cuộc phỏng vấn chính thức.

Có tất cả 15 người lao động di cư dân tộc thiểu số đã tham gia nghiên cứu và với độ tuổi dao động từ 18 đến 53, đa số là phụ nữ. Dự kiến ban đầu của chúng tôi là chỉ tập trung vào lao động nữ, tuy nhiên khi đã thực hiện đa phần các cuộc phỏng vấn thì chúng tôi muốn khám phá thêm một phần góc nhìn của những lao động nam, nên đã mở rộng để bao gồm hai lao động nam di cư. Người tham gia nghiên cứu thuộc 6 nhóm dân tộc thiểu số gồm có Tày, Thái, Mường, Hmong, Nùng, và Kháng và đến từ 9 tỉnh thuộc miền núi phía Bắc. Họ đã sinh sống ở Hà Nội dao động từ 3 tháng đến 7 năm tính đến thời điểm tham gia phỏng vấn nghiên cứu. Tất cả người tham gia phỏng vấn đều làm các công việc phi chính thức ví dụ công nhân ở công trường xây dựng, người giúp việc nhà, phục vụ trong quán ăn hoặc quán cà phê, khuôn vác đồ, giao hàng.

Chúng tôi dự định sử dụng chiến lược quả cầu lăn (snow ball) để tiếp cận người tham gia nghiên cứu, tuy nhiên chiến lược này không hiệu quả như chúng tôi kỳ vọng. Bởi những người được giới thiệu sau một cuộc phỏng vấn rất hạn chế. Sau đó, chúng tôi sử dụng nhiều biện pháp khác bao gồm làm việc thông qua mạng lưới của các tổ chức phi chính phủ ở Hà Nội và tham gia một số mạng lưới của người dân tộc thiểu số. Ngoài 15 người lao

động di cư, chúng tôi cũng tiến hành phỏng vấn 3 đại diện của các tổ chức phi chính phủ làm về vấn đề dân tộc thiểu số và lao động di cư, và 1 nhà thầu xây dựng ở Hà Nội. Khi kết thúc, chúng tôi đã phỏng vấn 19 cá nhân cho nghiên cứu này.

Hầu hết người tham gia nghiên cứu đồng ý cho chúng tôi ghi âm quá trình phỏng vấn, và chỉ có hai người từ chối. Với những người từ chối không đồng ý ghi âm thì nghiên cứu viên ghi chép lại nhiều nhất có thể trong cuộc phỏng vấn. Sau khi thực hiện từng cuộc phỏng vấn, nghiên cứu viên cũng tự ghi chép những quan sát và nhận định cá nhân ngay sau mỗi cuộc phỏng vấn. Tất cả bản ghi âm và ghi chép đều bằng tiếng Việt, được gõ bằng và dịch toàn bộ sang tiếng Anh để phục vụ thảo luận trong nội bộ nhóm nghiên cứu. Các dữ liệu sau khi được dịch thì được mã hóa theo các câu hỏi nghiên cứu. Phân tích tổng quan và phân tích theo khía cạnh cụ thể được nhóm nghiên cứu lần lượt thực hiện. Ở từng bước phân tích, các dữ liệu đều được nhìn nhận từ góc nhìn của người được phỏng vấn, không phải người thực hiện nghiên cứu. Nghiên cứu viên cũng đồng thời so sánh và phân tích dữ liệu so với các giả định ban đầu và kết quả nghiên cứu ban đầu. Phụ lục B chi tiết hướng dẫn thực hiện nghiên cứu.

## Đạo đức nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu xác định một số nguyên tắc đạo đức để áp dụng và định hướng xuyên suốt quá trình thực hiện nghiên cứu, gồm có:

1. Tôn trọng các cá nhân tham gia nghiên cứu;
2. Đảm bảo nghiên cứu sẽ mang lại lợi ích và không đem lại rủi ro cho người tham gia nghiên cứu;
3. Đảm bảo thực hiện nghiên cứu một cách khoa học và với sự chính trực;
4. Đảm bảo sự công bằng trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

Để thực hiện các nguyên tắc này nhóm nghiên cứu đã chia sẻ một cách cởi mở các thông tin về nghiên cứu, bao gồm mục đích và quy mô của nghiên cứu, tới người tham gia trước khi các cuộc phỏng vấn diễn ra. Do đó người được mời tham gia nghiên cứu có đủ thời gian để quyết định tham gia hay từ chối tham gia nghiên cứu. Người tham gia nghiên cứu giữ quyền chủ động trong suốt quá trình tham gia nghiên cứu ví dụ như người tham gia nghiên cứu thông báo tới nghiên cứu viên thời điểm và thời gian phù hợp để thực hiện phỏng vấn, cũng như được phản hồi về bất kỳ câu hỏi nào về nghiên cứu. Do đó các cuộc phỏng vấn thường được diễn ra trực tiếp và tại nhà người tham gia nghiên cứu, hoặc tại nơi làm việc hoặc quán cà phê gần nhà. Trong tất cả các cuộc phỏng vấn thì có hai cuộc phỏng vấn được thực hiện qua điện thoại bởi người tham gia nghiên cứu phải về quê để tham gia việc gia đình. Để biết thêm thông tin chi tiết về việc thực hiện các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu, xin mời xem thêm phụ lục B.

## Giới hạn và sự thiên lệch của nghiên cứu

Chúng tôi cần nhấn mạnh là nghiên cứu này chỉ thu thập các dữ liệu định tính thông qua các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc. Mặc dù chúng tôi có sử dụng dữ liệu định lượng từ các nghiên cứu ban đầu nhưng chúng tôi không thu thập dữ liệu định lượng từ các hoạt động thực địa. Mục đích của chúng tôi là cung cấp một số diễn giải cho các vấn đề và trải nghiệm của một nhóm mẫu nhất định. Do đó, kết quả của nghiên cứu khó có thể đại diện cho toàn bộ những người lao động di cư dân tộc thiểu số ở Hà Nội.

Giả định ban đầu của chúng tôi là người dân tộc thiểu số có thể dễ dàng tiếp cận được ở Hà Nội, tuy nhiên thực tế không phải như vậy. Nhiều người chúng tôi tiếp cận không đồng ý tham gia phỏng vấn nếu không có sự giới thiệu từ một ai đó mà họ quen biết. Vì thế nghiên cứu viên phải tìm cách khác để tiếp cận được nhóm cộng đồng này, ví dụ như thông qua giới thiệu của các tổ chức phi chính phủ. Do đó những người tham gia nghiên cứu



được giới thiệu qua các tổ chức phi chính phủ có thể có nhiều cơ hội tham gia các hoạt động xã hội thông qua các dự án phi chính phủ.

Như đã trình bày ở phần trên đó là các tài liệu về di cư nội địa của người dân tộc thiểu số khá hạn chế. Do đó, các câu hỏi nghiên cứu và câu hỏi sử dụng trong bộ công cụ phỏng vấn bán cấu trúc được xây dựng dựa trên các tài liệu về di cư nội địa nói chung ở Việt Nam.

Cũng cần lưu ý rằng chúng tôi chỉ mời những người lao động trong lĩnh vực phi chính thức tham gia phỏng vấn. Do đó nghiên cứu này không thể hiện quan điểm và ý kiến của những người lao động di cư dân tộc thiểu số trong khu vực chính thức. Đồng thời chúng tôi ghi nhận từ tài liệu tham khảo cho thấy nhóm lao động trong khu vực chính thức có nhiều điều kiện thuận lợi hơn so với nhóm lao động trong khu vực phi chính thức.

Nghiên cứu đã cố gắng tiếp cận được người lao động làm việc ở nhiều lĩnh vực ví dụ như xây dựng, giúp việc gia đình và ngành nghề dịch vụ. Tuy nhiên nghiên cứu không được thiết kế để tiếp cận nhóm ngành nghề có thể bị tác động sâu sắc nhất do đại dịch Covid-19 ví dụ như những người làm trong ngành du lịch.

Ý định ban đầu của chúng tôi là muốn tiếp cận các nhóm lao động mới di cư về Hà Nội để tìm kiếm việc làm do tác động của đại dịch Covid-19, tuy nhiên thực tế cho thấy điều đó không dễ thực hiện và chúng tôi chỉ tiếp cận được một vài trường hợp. Vì thế nghiên cứu này không phản ánh nhiều những quan điểm và suy nghĩ của nhóm mới di cư về Hà Nội do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Bên cạnh đó, đa phần người tham gia nghiên cứu là lao động nữ, nên các kết quả chủ yếu phản ánh suy nghĩ và góc nhìn của lao động nữ.

Một khía cạnh khác mà chúng tôi cần nhắc khi thiết kế nghiên cứu này đó là không chủ tâm tìm hiểu khía cạnh bạo lực và quấy rối tình dục. Mặc dù đây là một khía cạnh rất quan trọng tuy nhiên chúng tôi cần trọng vì cần các nghiên cứu viên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực để thực hiện một cách thỏa đáng. Mặc dù một số khía cạnh về quấy rối tình dục được nêu trong báo cáo, các thông tin đó đều do người tham gia nghiên cứu chủ động chia sẻ thông qua các câu hỏi khác, không phải là câu hỏi trực tiếp về quấy rối tình dục.

## PHỤ LỤC B: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN PHỎNG VẤN BÁN CẤU TRÚC

Để thực hiện các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc hiệu quả, nghiên cứu viên phải tuân theo các nguyên tắc đạo đức nghiên cứu và các lưu ý thực tế như sau:

- Nghiên cứu viên phải tôn trọng quyền của người được phỏng vấn và để họ chủ động dẫn dắt trong quá trình nghiên cứu. Tất cả những người được phỏng vấn phải được thông báo đầy đủ về mục đích và phạm vi của nghiên cứu, đồng thời được trao quyền để tham gia và rút khỏi quá trình nghiên cứu tại bất kỳ thời điểm nào. Tất cả các địa điểm và thời gian phỏng vấn nên do người được phỏng vấn quyết định.
- Nghiên cứu viên phải quan sát, trong suốt cuộc phỏng vấn, để đảm bảo rằng người được phỏng vấn cảm thấy thoải mái để tiếp tục cuộc phỏng vấn hoặc dừng cuộc phỏng vấn nếu người được phỏng vấn cảm thấy không thoải mái.
- Nghiên cứu viên phải lưu ý vấn đề phiên dịch nếu người được phỏng vấn muốn nói bằng ngôn ngữ của họ. Nếu vậy, một phiên dịch viên nên được sắp xếp trước cuộc phỏng vấn.
- Nghiên cứu viên phải chuẩn bị một bảng câu hỏi bán cấu trúc để hướng dẫn trong suốt cuộc trò chuyện với người được phỏng vấn. Nghiên cứu viên nên linh hoạt trong việc bỏ qua các câu hỏi không áp dụng được với người được phỏng vấn và sử dụng các câu hỏi mang tính xác nhận hay kiểm tra thông tin để đảm bảo rằng nghiên cứu viên hiểu đúng ý của người được phỏng vấn.
- Nghiên cứu viên nên hỏi liệu những người được phỏng vấn có đồng ý ghi âm cuộc trò chuyện hay không. Nếu vậy, tất cả các bản ghi âm phải được lưu trữ một cách an toàn và nên được gỡ bỏ càng sớm càng tốt

sau khi phỏng vấn.

- Tất cả các ghi chú đã sao chép phải được giữ một cách an toàn, và tên của người được phỏng vấn phải được mã hóa trong các ghi chú đó.

## ENDNOTES

- 1 Khung nghiên cứu này được phát triển dựa trên các tư liệu của các nhà nghiên cứu học thuật và những người làm việc thực tế, cụ thể như Amartya Sen's trong [Capability Approach](#) and [The Multi-dimensional Inequality Framework](#) (Tiếp cận năng lực và Khung bất bình đẳng đa chiều), và Kabeer, N. (2016) [Leaving no one behind: the challenge of intersecting inequalities](#) (Không để ai bị bỏ lại ở phía sau: thách thức của các bất bình đẳng giao thoa), và Leach, M., Gaventa, J., Justino, P., Caillods, F., và Denis, M. (2016) [Challenging inequalities: pathways to a just world: key messages and main contributions](#) (Thách thức sự bất bình đẳng: con đường hướng tới một thế giới công bằng: các thông điệp quan trọng và các đóng góp chính) trong International Social Science Council, University Sussex (UK). Institute of Development Studies, and UNESCO Director-General, 2009-2017 (Bokova, I.G.) [\(2016\) World Social Science Report 2016: Challenging Inequalities: Pathways to a Just World](#).
- 2 Tổng cục thống kê và UNFPA (2016). "Điều tra di cư nội địa quốc gia năm 2015: Các kết quả chủ yếu"; Coxhead, I., Vu, L., và Nguyen, C. (2016) ["Migration in Vietnam: New Evidence from Recent Survey"](#); CARE quốc tế tại Việt Nam (2020). [Labor migration among ethnic minority communities in Vietnam: situation and policy implications](#)".
- 3 Tổng cục thống kê (2019) ["Kết quả điều tra toàn quốc về Dân số và Nhà ở"](#)
- 4 Coxhead, Ian, Vu, Linh và Nguyễn, Cuong (2016). ["Migration in Vietnam: New Evidence from Recent Surveys"](#) (Di cư ở Việt Nam: các bằng chứng mới từ các cuộc khảo sát gần đây)
- 5 Tổng cục thống kê và Tổ chức lao động quốc tế (2016). "Báo cáo lao động phi chính thức 2016"
- 6 Lê, Bạch Dương và Nguyễn, Thanh Liêm (2011). From Countryside to Cities: Socioeconomic Impacts of Migration in Vietnam (Từ nông thôn đến thành thị: Các tác động kinh tế xã hội của Di cư ở Việt Nam); Phạm, Văn Quyết và Trần Văn Kham (2015) ["Sự kỳ thị đối với lao động nhập cư nghèo tại các đô thị Việt Nam"](#); Tổng cục thống kê và Tổ chức lao động thế giới (2016). "Báo cáo lao động phi chính thức 2016"
- 7 Lê, Văn Sơn (2014). "Lao động di cư nội địa ở Việt Nam hiện nay", Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam
- 8 Gillen, Jamie (2016). ["Bringing the countryside to the city: Practices and imaginations of the rural in Ho Chi Minh City, Vietnam"](#) (Đưa nông thôn đến thành thị: các thực hành và sự tưởng tượng về nông thôn ở thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)
- 9 iSEE (2011). ["Thông điệp truyền thông về dân tộc thiểu số trên báo in"](#); Nguyễn, Văn Chinh (2016). ["Định kiến tộc người trên truyền thông đại chúng"](#); Thúy, Hồng (2020). ["Đưa hình ảnh sai lệch về người dân tộc thiểu số trên phương tiện truyền thông: Cần có biện pháp xử lý nghiêm"](#); Nguyễn, Công Thao (2020). ["Dỡ bỏ định kiến tộc người: Bắt đầu từ đâu"](#).
- 10 Tổ chức CARE quốc tế tại Việt Nam (2020). ["Vulnerability of female migrants working in informal sector: Challenges and Opportunities"](#) (Tính dễ bị tổn thương của lao động di cư nữ làm việc trong khu vực phi chính thức: Thách thức và Cơ hội)
- 11 Phạm, Văn Quyết và Trần, Văn Kham (2015). ["Sự kỳ thị đối với lao động nghèo tại các đô thị Việt Nam"](#)

- 12 UN Việt Nam (2010). "[Internal Migration: Opportunities and Challenges for socio-economic development in Vietnam](#)"; Tổng cục thống kê và UNFPA (2016). "Điều tra di cư nội địa quốc gia năm 2015: Các kết quả chủ yếu"; Lê, Bạch Dương và Nguyễn, Thanh Liêm (2011). "From Countryside to Cities: Socioeconomic Impacts of Migration in Vietnam"
- 13 Lê, Bạch Dương và Nguyễn, Thanh Liêm (2011). "From Countryside to Cities: Socioeconomic Impacts of Migration in Vietnam"; De Luca, J (2018). "To tell you the truth, no job is legit: an exploration of justice for Hanoi's marginalized urban migrants"; Ngân hàng thế giới và Viện hàn lâm khoa học xã hội (2016). "Vietnam's household registration system"; Đặng, Đức Anh (2019). "An sinh xã hội cho người lao động di cư".
- 14 iSEE (2019). "Navigating Opportunities and Challenges: The Case of Urban Young Ethnic Minority Migrants in Northern Vietnam"; Lê, Bạch Dương và Nguyễn, Thanh Liêm (2011). "From Countryside to Cities: Socioeconomic Impacts of Migration in Vietnam"; De Luca, J (2018). "To tell you the truth, no job is legit: an exploration of justice for Hanoi's marginalized urban migrants"; UN Việt Nam (2010). "Internal Migration: Opportunities and Challenges for socio-economic development in Vietnam"
- 15 CARE quốc tế tại Việt Nam (2020). "[Labor migration among ethnic minority communities in Vietnam: situation and policy implications](#)".
- 16 Tổng cục thống kê và Tổ chức lao động quốc tế (2016). "Báo cáo lao động phi chính thức 2016"
- 17 Tổng cục thống kê và Tổ chức lao động quốc tế (2016). "Báo cáo lao động phi chính thức 2016"
- 18 Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 31/3/2020.
- 19 Đức, Tuấn (2020). "Thủ tướng nhất trí tiếp tục thực hiện Chỉ thị 16 ít nhất đến 22.4 tại một số địa phương, Báo điện tử Chính phủ Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"
- 20 Dezan Shira & Associate (2020). "[Vietnam's Entry Procedures for Foreign Employees amid the Pandemic](#)". (Thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam đối với các lao động nước ngoài trong bối cảnh dịch bệnh)
- 21 Yen, Nee Lee (2021). "[This is Asia's top-performing economy in the Covid pandemic – its not China](#)".
- 22 An, Hữu (2020). "[Đánh giá nhanh về tác động của đại dịch Covid-19 đối với sinh kế nông thôn tại Việt Nam](#)"; UNICEF (2020a). "[Đánh giá nhanh về tác động kinh tế - xã hội của đại dịch Covid-19 đối với trẻ em và gia đình](#)"; Mnet (2020a). "[Báo cáo kết quả khảo sát nhanh về tác động của dịch bệnh Covid-19 tới nhóm lao động di cư – khu vực chính thức và phi chính thức](#)"; Tổng cục thống kê (2020). "[Báo cáo tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động việc làm tại Việt Nam](#)"; UN Women và UNDP (2020). "[Covid-19 Socio-economic impact on vulnerable households and Enterprises in Vietnam: A gender-sensitive assessment](#)"; MDRI và UNDP (2020). "[Citizen's Opinions of and Experiences with Government Responses to Covid-19 Pandemic in Vietnam](#)". (Quan điểm và Trải nghiệm của người dân về các biện pháp ứng phó với Covid-19 ở Việt Nam)
- 23 Tổng cục thống kê (2020). "[Báo cáo tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động việc làm tại Việt Nam](#)"
- 24 UN Women và UNDP (2020). "[Covid-19 Socio-economic impact on vulnerable households and Enterprises in Vietnam: A gender-sensitive assessment](#)" (Tác động kinh tế xã hội của đại dịch Covid-19 đối với các hộ gia đình và doanh nghiệp ở Việt Nam)
- 25 Tiên Phong (2020). "Nghe từ lòng dân: khảo sát nhanh về gói hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19"; UNICEF (2020b). "[Phân tích của Liên Hợp Quốc về Tác động xã hội của đại dịch Covid-19 đối với Việt Nam và các khuyến nghị chính sách chiến lược](#)"; Mnet (2020b). "Bài trình bày về báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu tác động về kinh tế - xã hội của đại dịch Covid-19 với nhóm yếu thế - người lao động di cư phi chính thức – tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh"; MDRI và UNDP (2020). "[Citizen's Opinions of and Experiences with Government Responses to Covid-19 Pandemic in Vietnam](#)".

- 26 Thang, Huy (2020). "[Hỗ trợ doanh nghiệp trong dịch Covid-19: Kịp thời, đúng chỗ, lan tỏa rộng](#). Báo điện tử Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".
- 27 Như một số nguồn mô tả thì chiếc loa công cộng như một cầu nối giữa Chính phủ và nhân dân. Nó đã xuất hiện từ những năm 1960 để chia sẻ các thông tin từ tiền tuyến và cảnh báo người dân tìm nơi trú ẩn khi máy bay ném bom xuất hiện trong thời chiến. Nó cũng được đề cập đến như một công cụ truyền thông nhanh chóng đến người dân sau thời chiến và ít có khả năng bị gây nhiễu như các thiết bị kỹ thuật số. Mặc dù đã có một số cuộc thảo luận và đề xuất ví dụ như Cựu chủ tịch thành phố Hà Nội về việc xóa bỏ hệ thống loa công cộng vì người dân phàn nàn về âm thanh ồn ào và không mong muốn của hệ thống này, tuy nhiên vai trò của nó dường như được củng cố hơn nữa trong đại dịch Covid-19 do tính năng cung cấp thông tin nhanh chóng và kịp thời cho người dân để phòng tránh dịch bệnh.
- 28 Tiên Phong (2020). "Nghe từ lòng dân: khảo sát nhanh về gói hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19"; Mnet (2020b). "Bài trình bày về báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu tác động về kinh tế - xã hội của đại dịch Covid-19 với nhóm yếu thế - người lao động di cư phi chính thức – tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh"; UNICEF (2020b). "[Phân tích của Liên Hợp Quốc về Tác động xã hội của đại dịch Covid-19 đối với Việt Nam và các khuyến nghị chính sách chiến lược](#)"; UN Women và UNDP (2020). "[Covid-19 Socio-economic impact on vulnerable households and Enterprises in Vietnam: A gender-sensitive assessment](#)"; iSEE và Đi làm xa (2020). "Báo cáo tác động của dịch bệnh Covid-19 tới nhóm di cư thành thị".







## The Asia Foundation

Quỹ Châu Á là một tổ chức quốc tế phi lợi nhuận cam kết nâng cao đời sống của người dân ở khu vực Châu Á. Với kinh nghiệm sau sáu thập kỷ làm việc ở các quốc gia Châu Á và các chuyên gia địa phương, chúng tôi thực hiện nhiều chương trình ở nhiều quốc gia Châu Á và tập trung vào các lĩnh vực như trị tốt, trao quyền cho phụ nữ và bình đẳng giới, tăng trưởng kinh tế bao trùm, môi trường và biến đổi khí hậu, và quan hệ khu vực và quốc tế.